



HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Thị Ánh Tuyết*, Hồ Việt Hoàng, Hồ Nhật Linh,
Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Thùy Phương

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Trần Thị Ánh Tuyết <tranthianhtuyet93@huaf.edu.vn>
(Ngày nhận bài: 29-9-2020; Ngày chấp nhận đăng: 23-11-2020)

Tóm tắt. Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường trong việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Số liệu được thu thập từ việc khảo sát 95 hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại ba xã Quảng Nhâm, A Ngo và Hồng Thủy và phân tích thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp. Kết quả cho thấy loại hình trồng chuối đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Điều này được phản ánh qua giá trị của các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế (tổng giá trị sản xuất GO đạt trên 87 triệu đồng/ha). Hiệu quả kinh tế từ chuối cao hơn gấp ba lần so với lúa Đông Xuân – Hè Thu và ngô cao gấp 10 lần so với sắn. Từ đó, nghiên cứu đã đề xuất ba nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cho loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho huyện A Lưới trong thời gian tới.

Từ khóa: đất sản xuất nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất, A Lưới, dân tộc thiểu số

Efficiency of agricultural land use of ethnic communities in A Luei district, Thua Thien Hue province

Tran Thi Anh Tuyet*, Ho Viet Hoang, Ho Nhat Linh,
Nguyen Van Binh, Nguyen Thuy Phuong

University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Tran Thi Anh Tuyet <tranthianhtuyet93@huaf.edu.vn>
(Received: September 29, 2020; Accepted: November 23, 2020)

Abstract. The article assesses the economic, social and environmental efficiency of agricultural land use of ethnic communities in A Luei district, Thua Thien Hue province. The data were collected from a survey of 95 households in Quang Nham, A Ngo, and Hong Thuy communes and analyzed through the efficiency indicators. The results show that the banana type has the highest economic efficiency. It is reflected in the values of the economic efficiency assessment criteria (total production value GO of VND 87 mill/ha). The

efficiency of bananas is three times higher than that of rice in the Winter-Spring – Summer-Autumn season. The efficiency of maize is ten times higher than that of cassava. The study proposes three groups of measures to improve the economic, social, and environmental efficiency of agricultural land in A Luoi district in the coming time.

Keywords: agricultural land use, economic efficiency, A Luoi, ethnic communities

1 Đặt vấn đề

Nông nghiệp, nông thôn miền núi có vị trí chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế – xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Tuy nhiên, cùng với những thành tựu đạt được, nông nghiệp, nông thôn miền núi ở nước ta trong giai đoạn hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế và yếu kém. Mặc dù chính phủ Việt Nam đã nỗ lực thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững ở miền núi thông qua các chính sách, chương trình và các chiến lược quốc gia [2, 3], nhưng cộng đồng miền núi đang trở nên nghèo hơn [6] bởi vì các chương trình như vậy về cơ bản được thiết kế và thực hiện theo kiểu từ trên xuống; điển hình tại các nước đang phát triển. Kết quả là những người bên ngoài thường hiểu sai các hệ thống canh tác địa phương. Chính những người làm chính sách cũng có quan niệm sai lệch trong việc hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng bản địa [2]. Do đó, một nghiên cứu để đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của đồng bào dân tộc thiểu số là rất cần thiết và thực tiễn.

Huyện A Lưới là huyện miền núi nằm ở phía Tây của tỉnh Thừa Thiên Huế, cách thành phố Huế hơn 70 km và là huyện có diện tích lớn nhất tỉnh. Huyện A Lưới bao gồm thị trấn A Lưới và 20 xã với tổng diện tích tự nhiên 122.521,20 ha [4]. Dân số năm 2019 là 49.039 người. Đa số là người dân tộc thiểu số như Pa Kô, Tà Ôi, Ca Tu và Pa Hy, chiếm 75%. Còn lại là người Kinh lên lập kinh tế mới và cán bộ miền xuôi lên công tác [9]. Với đặc điểm địa hình đồi núi cao và hiểm trở, A Lưới là một trong những huyện miền núi có điều kiện kinh tế khó khăn nhất của tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại địa phương, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đóng vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của huyện và chưa phát huy được lợi thế của từng vùng trên địa bàn. Nông nghiệp phát triển chậm, vẫn mang nặng tính truyền thống trong sản xuất nông nghiệp và thiếu quy hoạch. Vì vậy, làm thế nào để có thể sử dụng hiệu quả diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại địa bàn là vấn đề đang được các cấp chính quyền quan tâm nghiên cứu để xây dựng cơ sở cho việc nâng cao năng suất và đề ra các phương án chuyển dịch cơ cấu cây trồng một cách hợp lý nhất nhằm đem lại hiệu quả sử dụng đất tối ưu. Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp về khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở đó đề xuất sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hiệu quả cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện A Lưới.

2 Phương pháp

2.1 Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp

Các số liệu thứ cấp bao gồm tình hình phát triển kinh tế – xã hội của địa bàn nghiên cứu, các văn bản pháp lý liên quan, tình hình quản lý và sử dụng đất; phương án, kế hoạch sử dụng đất lựa chọn được thu thập tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A Lưới. Số liệu thu thập được giúp làm sáng tỏ phần cơ sở lý luận, thực tiễn và làm rõ được thực trạng về hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại A Lưới.

Số liệu sơ cấp

Chúng tôi phỏng vấn các nông hộ đang sử dụng đất sản xuất nông nghiệp theo mẫu bảng hỏi đã được thiết kế sẵn tại ba xã, bao gồm: Quảng Nhâm, A Ngo và Hồng Thủy. Số lượng mẫu được tính theo công thức mẫu Slovin 1984.

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2} \quad (1)$$

trong đó n là cỡ mẫu (số phiếu điều tra); e là sai số (10%); N là số lượng tổng thể (2106 hộ gia đình, cá nhân).

– Nghiên cứu sử dụng sai số là 10% và số lượng tổng thể N được xác định là 2106 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu. Thay vào công thức trên, chúng tôi xác định được số lượng mẫu tối thiểu là 95 hộ.

Chọn mẫu

Chúng tôi chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản dựa vào danh sách các nông hộ cho đồng bào thiểu số đang sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu.

Bảng 1. Phân bố mẫu điều tra trong nghiên cứu

Xã	Tổng số hộ dân	Số phiếu cần điều tra
Quảng Nhâm	734	34
Xã A Ngo	717	32
Hồng Thủy	655	29
Tổng	2106	95

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra năm 2020

2.2 Tổng hợp và xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu thập được tổng hợp, nhập và lọc trên phần mềm MS Excel phục vụ cho việc phân tích.

2.3 Phân tích số liệu

Đánh giá hiệu quả kinh tế của việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Hiệu quả kinh tế là chỉ tiêu mô tả mối quan hệ giữa chi phí mà người sử dụng đất bỏ ra trong quá trình sản xuất và lợi nhuận thu được. Đối với những hộ sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao thì hiệu quả kinh tế là một nhân tố để thúc đẩy sản xuất phát triển. Hiệu quả kinh tế được đánh giá thông qua các chỉ tiêu sau [1]:

– Tổng giá trị sản xuất (GO): Là toàn bộ giá trị của vật chất và dịch vụ được tạo ra trong sản xuất trong một thời gian nhất định, thường là một năm.

– Chi phí trung gian (IC): Bao gồm các chi phí vật chất và dịch vụ được sử dụng trong quá trình sản xuất.

– Giá trị gia tăng (VA): Là kết quả cuối cùng sau khi trừ đi chi phí trung gian của hoạt động sản xuất, kinh doanh nào đó. Đây là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả sản xuất ($VA = GO - IC$).

– Hiệu quả kinh tế trên một đồng chi phí trung gian (IC): GO/IC ; VA/IC .

– Hiệu quả kinh tế trên một ngày công lao động (LD) quy đổi: GO/LD ; VA/LD .

Đánh giá hiệu quả xã hội của việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất được đánh giá thông qua việc tạo ra bao nhiêu công lao động (ngày công lao động) cho xã hội, tạo ra thu nhập thường xuyên cho nông dân/hộ gia đình [1].

Đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Nghiên cứu này chỉ đánh giá hiệu quả môi trường thông qua việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình canh tác đối với từng loại hình sản xuất nông nghiệp [1].

Đánh giá chung hiệu quả của các kiểu sử dụng đất

Chúng tôi đánh giá chung hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp bằng cách phân cấp và cho điểm đối với từng chỉ tiêu kinh tế, xã hội và môi trường theo Bảng 2, Bảng 3 và Bảng 4. Đánh giá chung được tính bằng tổng điểm của ba chỉ tiêu trên. Điểm phân cấp đánh giá chung được tính như đã tham khảo từ một số tài liệu đã được công bố trước đó [6].

Bảng 2. Phân cấp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế (Tính cho 1 ha)

Cấp đánh giá	Thang điểm	GO	VA	GO/IC
Cao	3	>20	>15	>1,5
Trung bình	2	15–20	10–15	1–1,5
Thấp	1	<15	<10	<1

Nguồn: [6]

Bảng 3. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội (Tính cho 1 ha)

Cấp đánh giá	Thang điểm	Công	Giá trị ngày công (ngàn đồng)
Cao	3	>500	>200
Trung bình	2	400–550	150–200
Thấp	1	<400	<150

Nguồn: [6]

Bảng 4. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường

Cấp đánh giá	Thang điểm	Mức sử dụng phân bón
Cao	3	Nằm trong định mức
Trung bình	2	Dưới định mức
Thấp	1	Vượt quá định mức

Nguồn: [6]

Bảng 5. Đánh giá chung hiệu quả sử dụng đất

Đánh giá chung	Thang điểm
Cao	16–24
Trung bình	9–15
Thấp	<8

Nguồn: [6]

3 Kết quả và thảo luận

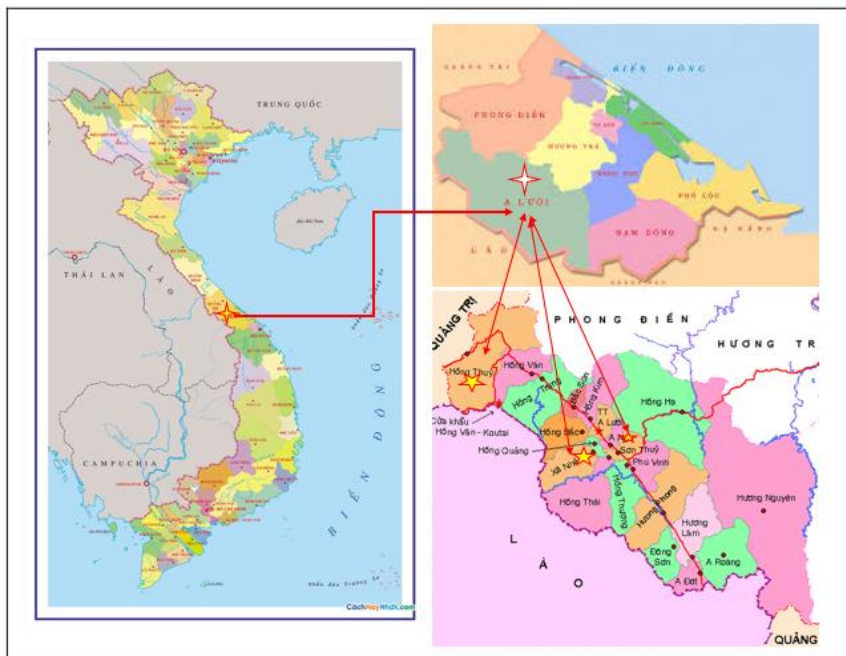
3.1 Giới thiệu vùng nghiên cứu

Huyện A Lưới (Hình 1) là một trong hai huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế. Khu dân cư nông thôn huyện A Lưới gồm có 20 xã và thị trấn A Lưới, nơi chiếm trên 80% dân số toàn huyện đang sinh sống. Dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn nghiên cứu chiếm 75% bao gồm: Pa Kô, Tà Ôi, Ca Tu và Pa Hy. Còn lại người Kinh lên lập kinh tế mới và cán bộ miền xuôi

lên công tác. Đến nay, rất nhiều vùng nông thôn đã được đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tốt, nhiều khu dân cư có quy mô và mật độ dân số lớn, có nhiều công trình xây dựng và nhà ở kiên cố, hoạt động kinh tế ở địa bàn cũng khá đa dạng.

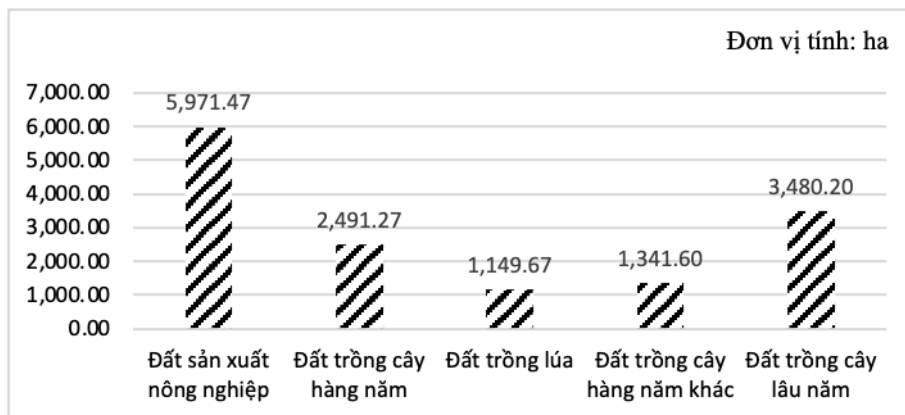
3.2 Hiện trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện A Lưới năm 2018

Theo kết quả Thống kê đất đai năm 2018, tổng diện tích tự nhiên huyện A Lưới là 122.521,20 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 115.784,25 ha; đất phi nông nghiệp là 5.343,05 ha; đất chưa sử dụng là 1.393,90 ha (Hình 2).



Hình 1. Sơ đồ vị trí huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguồn: Cổng thông tin điện tử huyện A Lưới



Hình 2. Hiện trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện A Lưới năm 2018

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2019

Bảng 6. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của ba xã

STT	Loại đất	Mã	Huyện A Lưới	Xã Hồng Thủy	Xã A Ngo	Xã Quảng Nhâm
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	5.971,47	793,23	403,38	615,01
1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	2.491,27	542,89	222,54	152,38
1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.149,67	24,65	132,95	72,40
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	730,63	518,25	89,59	79,98
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.480,20	250,33	180,84	462,62

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2019

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 5.971,47 ha, chiếm 4,87% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó, đất trồng cây hàng năm là 2.491,27 ha (2,03%); đất trồng cây lâu năm là 3.480,20 ha (2,84%). Đất đất sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung ở các xã, thị trấn: Sơn Thủy, A Ngo, Hồng Bắc, Quảng Nhâm, Hồng Thái, Hồng Thượng, Hồng Thủy, thị trấn A Lưới, Trung Sơn, Hồng Kim...

3.3 Hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của các loại hình sử dụng đất ở A Lưới

Các loại hình sử dụng đất hiện có của huyện được thu thập trên cơ sở điều tra phỏng vấn trực tiếp tại các điểm nghiên cứu với 95 hộ gia đình sản xuất nông nghiệp. Kết quả điều tra hiện trạng sử dụng đất với các loại hình sử dụng đất khác nhau được trình bày ở Bảng 7. Trong đó, đất trồng lúa chiếm diện tích lớn nhất trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại khu vực nghiên cứu (diện tích 1.149,67 ha); đất trồng sắn và ngô có diện tích thấp hơn: 643,0 và 618,3 ha, thấp hơn là loại hình sử dụng đất trồng chuối 309,3 ha.

Bảng 7. Các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Loại hình	Diện tích (ha)	Giống
Hai lúa	1.149,67	Khang dân và X21, Xi23, JO2, HT1, LDA1, TH5
Ngô	618,3	Giống địa phương
Sắn	643,0	Giống địa phương
Chuối	309,3	Giống địa phương

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra 2020

Loại hình sử dụng đất trồng lúa: Loại hình sử dụng đất này là chủ yếu và phổ biến ở địa hình đồng bằng và địa hình thấp với khả năng tưới tiêu tốt, có truyền thống từ lâu, được người dân chấp nhận. Giống lúa chủ yếu được người dân áp dụng là giống thuần X21, Xi23, JO2, HT1, LDA1, TH5, Khang dân, v.v. với gạo dẻo, thơm ngon, phù hợp với khí hậu của địa phương.

+ Lúa Hè Thu: Được tiến hành gieo trồng từ tháng Năm (dương lịch) đến hết tháng Sáu. Trong vụ này, người dân thường giảm diện tích do thời tiết không thuận lợi và không chủ động được tưới tiêu.

+ Lúa Đông Xuân: Được tiến hành gieo trồng từ tháng Mười hai (dương lịch) đến tháng Một năm sau; đây là vụ chính trong năm. Thời tiết tương đối thuận lợi và chủ động được nguồn nước tưới tiêu.

Loại hình sử dụng đất cây hàng năm phổ biến là ngô và sắn: Diện tích cây hàng năm tập trung chủ yếu ở các xã Hồng Bắc, Hồng Thủy, Hồng Hạ, Quảng Nhâm và thị trấn A Lưới.

Loại hình sử dụng đất cây ăn quả: Các loại cây ăn quả phổ biến đem lại hiệu quả kinh tế là chuối, ổi, mít, v.v. Diện tích cây ăn quả tập trung chủ yếu ở xã Hồng Bắc, thị trấn A Lưới, xã Quảng Nhâm và xã A Ngo.

Hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế của các loại hình sử dụng đất trong vùng nghiên cứu được trình bày tại Bảng 8. Trong các loại hình, tùy từng vùng nghiên cứu (dân tộc) khác nhau mà loại hình sử dụng có tổng giá trị sản xuất khác nhau.

Kết quả tại Bảng 8 cho thấy loại hình lúa đông xuân, lúa hè thu ngô và chuối đều đem lại hiệu quả kinh tế cao (với tổng giá trị sản xuất GO đều lớn hơn 20 triệu đồng/ha; giá trị gia tăng đều cao hơn 15 triệu đồng/ha và hiệu quả kinh tế trên một đồng chi phí trung gian GO/IC đều lớn hơn 1,5 lần). Trong đó, loại hình trồng chuối đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Điều này được thể hiện qua giá trị các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế (tổng giá trị sản xuất GO đạt trên 87 triệu đồng/ha; giá trị gia tăng đạt 67 triệu đồng/ha và hiệu quả kinh tế trên một đồng chi phí

Bảng 8. Hiệu quả kinh tế sử dụng đất sản xuất nông nghiệp năm 2020

Hạng mục	Tính trên 1ha			
	GO (1000 đồng/ha)	IC (1000 đồng/ha)	VA (1000 đồng/ha)	GO/IC (lần)
Lúa đông xuân				
BQ chung	28.490	9.807	18.683	2,87
Tà Ôi	17.100	6.000	11.100	2,85
Cơ Tu	24.633	10.968	13.665	2,25
Pa Cô	43.740	12.454	31.286	3,51
Lúa hè thu				
BQ chung	26.621	10.424	16.197	2,51
Tà Ôi	15.600	6.400	9.200	2,44
Cơ Tu	23.463	11.231	12.232	2,09
Pa Cô	40.800	13.640	27.160	2,99
Ngô				
BQ chung	27.500	4.025	23.475	13,52
Tà Ôi	0.000	0.000	0.000	0,00
Cơ Tu	25.000	1.100	23.900	22,73
Pa Cô	30.000	6.950	23.050	4,32
Sắn				
BQ chung	24.000	6.600	16.900	3,76
Tà Ôi	25.000	6.100	16.900	4,10
Cơ Tu	23.000	7.100	16.900	3,24
Pa Cô	24.000	6.100	16.900	3,93
Chuối				
BQ Chung	87.667	22.333	67.000	3,94
Tà Ôi	84.000	21.000	63.000	4,00
Cơ Tu	94.000	25.000	69.000	3,76
Pa Cô	85.000	21.000	69.000	4,05

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra, 2020

trung gian GO/IC lên đến 3,94 lần). Trong ba dân tộc Tà Ôi, Cơ Tu và Pa Cô thì dân tộc Pa Cô trồng chuối mang lại hiệu quả về mặt kinh tế cao nhất (mặc dù giá trị gia tăng từ việc trồng chuối của dân tộc Pa Cô chỉ bằng dân tộc Cơ Tu, nhưng chỉ tiêu hiệu quả kinh tế trên một đồng chi phí trung gian lại cao hơn, lần lượt là 4,05 lần và 4,00 lần).

Loại hình trồng sắn của đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện A Lưới chỉ mang lại hiệu quả kinh tế ở mức trung bình (khi đối sánh với các chỉ tiêu phân cấp đánh giá hiệu quả kinh tế tại Bảng 2). Mặc dù giá trị gia tăng đạt 16,7 triệu đồng/ha và hiệu quả kinh tế trên một đồng chi phí trung gian đạt 3,76 lần, nhưng tổng giá trị sản xuất chỉ đạt trên 24 triệu đồng/ha.

Hiệu quả xã hội

Hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: giá trị ngày công, mức độ giải quyết công ăn việc làm, thu hút lao động, sản phẩm tiêu thụ trên thị trường, khả năng xóa đói giảm nghèo, v.v. (Bảng 9).

Đánh giá loại hình sử dụng đất đem lại hiệu quả về mặt xã hội liên quan đến nhiều chỉ số với quy mô rộng nên khá phức tạp. Chúng tôi chỉ tập trung vào khả năng tạo công ăn việc làm (ngày công) và giá trị ngày công cho cộng đồng của từng loại hình sử dụng đất để đánh giá hiệu quả sử dụng đất về mặt xã hội. Kết quả cho thấy loại hình trồng chuối tạo ra nhiều công lao động nhất với 183 công với giá trị ngày công 459.020 đồng/ngày; tiếp theo là loại hình sử dụng đất trồng cây ngô với 80 công và 377.500 đồng/ngày; loại hình sử dụng đất trồng sắn tạo ra 70 công với 328.57 đồng/ngày; cây lúa tạo ra ít công lao động nhất (60 công). Tuy nhiên, năng suất của cây lúa cao thứ hai (28.490.000 đồng/ha) với giá trị ngày công đạt 310.000 đồng/ngày.

Hiệu quả môi trường

Hiệu quả về mặt môi trường được xác định của quá trình sử dụng đất nông nghiệp là rất phức tạp, rất khó định lượng, đòi hỏi phải nghiên cứu, phân tích trong thời gian dài. Số liệu được trình bày tại Bảng 10.

Bảng 9. Hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp (tính trên 1 ha)

STT	Loại hình sử dụng đất	Lao động (Công)	Ngày công lao động (nghìn đồng/ngày)
1	Lúa Đông Xuân – Hè Thu	300	310
2	Ngô	85	377.50
3	Sắn	75	328.57
4	Chuối	183	459.02

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2020

Bảng 10. Mức đầu tư phân bón cho các cây trồng ở ba xã

STT	Tên cây trồng	Theo điều tra			
		N (kg/ha)	Phân chuồng (kg/ha)	K (kg/ha)	NPK (kg/ha)
Xã A Ngo					
1	Lúa đông xuân	0	225	0	42,5
2	Lúa hè thu	0	250	0	45
3	Ngô	0	0	0	0
4	Sắn	0	0	0	0
5	Chuối	0	0	85	0
Xã Quảng Nhâm					
1	Lúa đông xuân	0	189	17,4	45,9
2	Lúa hè thu	0	200	15	48
3	Ngô	0	0	0	0
4	Sắn	0	0	0	0
Xã Hồng Thủy					
1	Lúa đông xuân	0	331,5	11,4	41,75
2	Lúa hè thu	0	350	17	43
3	Ngô	0	0	0	0
4	Sắn	0	0	0	0

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2020

Số liệu điều tra cho thấy mức độ đầu tư và sử dụng phân bón của các nhóm dân tộc đều ở mức thấp và đối với một số loại cây trồng hầu như người dân không sử dụng phân bón. Cả ba địa bàn nghiên cứu đều sử dụng phân chuồng, NPK vào vụ lúa Đông Xuân – Hè Thu với số lượng khác nhau tùy theo diện tích sử dụng của từng nhóm. Ví dụ, ở xã A Ngo, đối với các loại phân vô cơ như đạm, kali... hầu hết người dân đều không sử dụng mặc dù hai loại này rất cần cho sự sinh trưởng và phát triển của cây lúa. Người dân ở xã Quảng Nhâm cũng không hề sử dụng phân đạm bón cho lúa; kali thì được sử dụng ở mức vô cùng ít. Đồng bào dân tộc thiểu số gần như không chú trọng áp dụng các phương pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất cây trồng.

Tất cả các loại hình sử dụng đất của các nhóm dân tộc đều chưa có ảnh hưởng nhiều đến môi trường. Tuy nhiên, việc sử dụng phân bón của nông dân chưa cân đối so với tiêu chuẩn cho phép. Bên cạnh đó, việc xử lý bao bì, chai lọ thuốc BTVT vẫn chưa được quan tâm. Hầu hết người dân vẫn vứt bao bì, chai lọ thuốc BTVT tại ruộng, kênh mương, sông suối gây ảnh hưởng đến môi trường.

Đây là những yếu tố tác động đến môi trường mà chính quyền và nông dân cần quan tâm giải quyết. Việc sản xuất phải đi đôi với bảo vệ môi trường, đưa nông nghiệp phát triển bền vững.

Phân hữu cơ có tác dụng cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng một cách từ từ và đây là phương thức sản xuất truyền thống, cải thiện và duy trì độ phì của đất. Kết quả điều tra cho thấy, các đối tượng nghiên cứu trên địa bàn đều sử dụng phân bón hữu cơ cho cây lúa, nhưng số lượng không đáng kể do hiện nay các hộ đều không chăn nuôi hoặc chăn nuôi nhỏ lẻ, không có phân để sử dụng, còn các cây trồng khác đều không được bón phân. Trong tương lai, cần phải duy trì lượng phân bón hữu cơ đối với cây trồng.

Qua Bảng 12, điểm tổng hợp của ba chỉ tiêu đánh giá hiệu quả về kinh tế, xã hội, và môi trường đều cho thấy loại hình trồng chuối được đánh giá cao nhất tổng điểm là 16 do vừa có hiệu quả kinh tế cao lại ít tốn công chăm và ít dùng đến phân bón hóa học (chỉ dùng phân bón hữu cơ). Đối với các loại hình sử dụng đất khác, do điều kiện tự nhiên xã hội khá đồng đều nên sự khác biệt là không đáng kể, tất cả đều ở mức trung bình, cụ thể: ngô (tổng điểm 14); sắn (tổng điểm 12); lúa Hè Thu (tổng điểm 12); lúa Đông Xuân (tổng điểm 11).

Bảng 11. Hiệu quả môi trường của các loại hình sử dụng đất

Loại hình sử dụng đất	Phân bón	Điểm đánh giá
Cây lúa Đông Xuân	1	3
Cây lúa Hè Thu	2	4
Cây sắn	2	4
Cây ngô	2	4
Chuối	1	2

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2020

Bảng 12. Đánh giá chung hiệu quả sử dụng các loại hình đất sản xuất nông nghiệp

Loại hình sử dụng đất	Hiệu quả kinh tế	Hiệu quả xã hội	Hiệu quả môi trường	Tổng điểm	Đánh giá chung
Cây lúa Đông Xuân	6	2	3	11	Trung bình
Cây lúa Hè Thu	6	2	4	12	Trung bình
Cây sắn	4	3	4	12	Trung bình
Cây ngô	6	4	4	14	Trung bình
Cây chuối	8	6	2	16	Cao

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2020

3.3 Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại huyện A Lưới

– Duy trì diện tích gieo trồng lúa hai vụ (Đông xuân – Hè thu) nhằm góp phần ổn định an ninh lương thực. Nghiên cứu đưa vào các giống lúa có năng suất cao, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng của xã như giống lúa thuần X21, Xi23, HT1, TH5 và LDA1.

– Các xã trong vùng nghiên cứu cần tăng cường tuyên truyền phổ biến tới bà con nông dân đồng bào dân tộc thiểu số việc tăng cường bón phân hữu cơ vào đất, trả lại dinh dưỡng cho đất, cụ thể:

+ Với sản xuất ở vùng đồng bằng thì tăng che phủ gốc, chống hạn cho cây, tăng cường trồng cây họ đậu cải tạo đất.

+ Với sản xuất ở vùng đồi thì trồng cây theo đường đồng mức, trồng xen cây bằng cốt khí vừa làm phân xanh vừa chống xói mòn hiệu quả. Canh tác ở đất dốc nên trồng thành nhiều tầng vừa sử dụng đất tối đa vừa giảm sự phá hủy cấu trúc đất do mưa.

– Số ngày công lao động của người dân đồng bào thiểu số nên trồng lúa xen với loại hình trồng chuối trong khoảng thời gian nhàn rỗi để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

– Xây dựng chính sách hỗ trợ để khuyến khích sản xuất, sử dụng các giống cây, con mới, phù hợp với từng loại đất khác nhau, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cũng như hiệu quả sử dụng đất. Đồng thời, đưa ra các chính sách vay với lãi suất thấp với thời gian vay kéo dài để hỗ trợ cho người dân đồng bào thiểu số sản xuất nông nghiệp.

4 Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của cộng đồng dân tộc thiểu số tại huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ ở mức trung bình cho các nông hộ làm nông nghiệp. Trong khi đó, chuối là cây trồng cho hiệu quả cao hơn hẳn so với lúa, ngô và sắn. Để nâng cao hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội của các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại huyện A Lưới, việc nâng cao năng suất sản xuất nông nghiệp và tăng thu nhập cho các đồng bào dân tộc thiểu số là vô cùng quan trọng. Điều này không chỉ góp phần cải thiện đời sống của người dân mà còn là một yếu tố quan trọng trong việc hạn chế sự khai thác rừng của các cộng đồng dân tộc thiểu số, góp phần bảo vệ tài nguyên rừng và động vật hoang dã.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Nữ Hoàng Anh (2013), *Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại Yên Bái giai đoạn 2012–2016*, Luận án Tiến sĩ nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
2. Cairns, M. (2007), *Voices from the forest: Integrating indigenous knowledge into sustainable upland farming*, *Voices from the Forest: Integrating Indigenous Knowledge into Sustainable Upland Farming*. <https://doi.org/10.4324/9781936331840>.
3. Castella, J. C., Boissau, S., Thanh, N. H. & Novosad, P. (2006), Impact of forestland allocation on land use in a mountainous province of Vietnam, *Land Use Policy*, 23(2), 147–160. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2004.07.004>.
4. Chi cục Thống kê huyện A Lưới (2019), *Niên giám thống kê năm 2018*, Nxb. Thống kê – Hà Nội.
5. Delisle, S. & Turner, S. (2016), The weather is like the game we play: Coping and adaptation strategies for extreme weather events among ethnic minority groups in upland northern Vietnam, *Asia Pacific Viewpoint*, 57(3), 351–364. <https://doi.org/10.1111/apv.12131>.
6. Đỗ Văn Nhạ, Nguyễn Thị Phong Thu (2016), Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 14(12), 1934–1944.
7. Nguyễn Hữu Ngữ & Nguyễn Thị Hải (2013), *Giáo trình quy hoạch sử dụng đất*, Đại học Huế: Trường Đại học Nông Lâm.
8. Quốc hội (2013), *Luật đất đai*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. UBND huyện A Lưới (2019), *Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2019*.